

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 19/01/2023 **Lê Thái D** rủ **Phạm Đức K** đến nhà anh **Lê Đào Hồng Đ1** để đòi nợ. Kháng đồng ý, điều khiển xe mô tô 78H1-411.11 chở **D. Nguyễn Văn T2** không biết **Lê Thái D** và **Phạm Đức K** đi đòi nợ, nhưng thấy **K** chở **D** đi, nên điều khiển xe mô tô 78B1-004.68 đi theo, trên đường đi **T2** chở thêm một thanh niên tên **T3** (không rõ lai lịch). Khi đến trước nhà anh **Đ1** ở khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên, giữa **D** và anh **Đ1** cãi nhau qua lại, **T2** bước đến nói với anh **Đ1** “Tết đến nơi rồi, nợ tiền thì trả cho người ta” nên giữa anh **Đ1** và **T2** xảy ra cãi vã, **T2** rút 01 khẩu súng ngắn trong túi xách đeo trước ngực đánh 01 cái vào đầu anh **Đ1**. Anh **Đ1** xông vào giằng co, đánh nhau với **T2**. **T2** dùng súng bắn 01 phát trúng vùng ngực trái của anh **Đ1**. Một số người thấy sự việc nên xông đến can ngăn, giữ **T2** và **K** lại, **D** và **T3** bỏ chạy.

Kết luận giám định số 58/2023/TgT ngày 28/02/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh P kết luận: **Lê Đào Hồng Đ1** bị thương tích vùng đầu, vùng ngực, chân xây xước da; tỷ lệ thương tích 06% do vật có cạnh và vật tày gây nên.

Kết luận giám định số 1733 ngày 08/9/2023 của Phân viện KHHS tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng ZORAKI, sử dụng bắn đạn cao su, đạn hơi cay, đạn nổ cỡ (9x22)mm; hiện tại khẩu súng sử dụng bắn được và thuộc công cụ hỗ trợ (không thuộc vũ khí). Vỏ đạn là vỏ đạn của loại đạn cao su và do khẩu súng trên bắn ra, đạn cao su cỡ (9x22) mm là công cụ hỗ trợ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HSST ngày 09/4/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T2** phạm tội “Giết người”; các bị cáo **Lê Thái D**, **Phạm Đức K** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng Điểm n, Khoản 1 Điều 123; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Văn T2** – 08 (T4) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 03/02/2023).

- Áp dụng Điểm b, Khoản 2 Điều 318; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **Lê Thái D**, **Phạm Đức K**; áp dụng thêm Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Phạm Đức K**; xử phạt:

Bị cáo **Lê Thái D** – 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 19/10/2023 đến ngày 14/12/2023.

Bị cáo **Phạm Đức K** – 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 19/10/2023 đến ngày 14/12/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định phân xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22/4/2024, bị cáo **Lê Thái D** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, lý do: bị cáo đến đòi nợ, không có ý gây rối, sự việc xảy ra ngoài ý muốn của bị cáo hoàn cảnh gia đình bị cáo vợ ly hôn, bản thân bị cáo nuôi con nhỏ, tiền nợ thì **Lê Đào Hồng Đ1** đến nay vẫn chưa trả, kính đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Thái D**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Dương giữ nguyên đơn kháng cáo, không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo **Lê Thái D** đúng hình thức, trong hạn luật định và đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về trách nhiệm hình sự và dân sự của **Nguyễn Văn T2**: tại giai đoạn sơ thẩm và phiên tòa sơ thẩm **T2** thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khắc phục, bồi thường cho bị hại. Sau khi xét xử sơ thẩm, **Nguyễn Văn T2** không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên quyết định về trách nhiệm hình sự đối với **Nguyễn Văn T2** và trách nhiệm bồi thường dân sự của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo: Bị cáo **D** vì muốn đến nhà **Lê Đào Hồng Đ1** để đòi tiền nợ, nên rủ **Phạm Đức K** cùng đi. Khi bị cáo gặp **Đ1**, giữa hai bên cãi nhau

qua lại, cùng lúc đó Nguyễn Văn T2 đi theo D và K, vừa đến, liền nói với anh Đ1 “Tết đến nơi rồi, nợ tiền thì trả cho người ta”, T2 và Đ1 lớn tiếng cãi nhau, bất ngờ T2 rút súng ngắn đánh vào đầu và bắn vào ngực trái của Đ1, hai bên ẩu đả nhau, gây ồn ào, ảnh hưởng sinh hoạt của người dân xung quanh. Bị cáo D thừa nhận hành vi của mình và tự nguyện khắc phục 5 triệu đồng cùng với T2 bồi thường cho bị hại. Nên Tòa án cấp sơ thẩm kết bị cáo Lê Thái D tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Phạm Đức K đã chấp hành án. Riêng bị cáo D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin được hưởng án treo vì nuôi con nhỏ. Xét, bị cáo Dương h nhiều tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục bồi thường cho anh Đ1, hơn nữa bị hại là người nợ tiền mà không có thái độ nhẹ nhàng, thiện chí; đồng thời bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ ly hôn, bản thân bị cáo nuôi con nhỏ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 2 năm tù là quá nghiêm khắc, chưa đúng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo. Nên HĐXX phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt tù là phù hợp.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thái D, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HSST ngày 09/4/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

1. Áp dụng Điểm b, Khoản 2 Điều 318; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Lê Thái D 01 (một) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 19/10/2023 đến ngày 14/12/2023.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm 21/2024/HSST ngày 09/4/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Dung

